

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /SNN&PTNT-TL

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

V/v thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 6238/UBND-NN ngày 09/5/2023 về việc thực hiện Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT đã dự thảo Văn bản của UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 2772/BNN-TL ngày 05/5/2023 (có dự thảo báo cáo gửi kèm theo).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PGĐ Nguyễn Hoài Nam (để t/dõi);
- Lưu: VT, TL.

**GIÁM ĐỐC**



**Cao Văn Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-NN

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

V/v thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

**DỰ THẢO**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Công văn số 2772/BNN-TL ngày 05/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 Của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

1. Kết quả triển khai thực hiện quản lý tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn tập trung:

*a) Các văn bản triển khai thực hiện:*

- Ngày 25/10/2022, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Văn bản số 15890/UBND-KTTC về việc triển khai thực hiện quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; trong đó, phân công Sở Xây dựng giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị (bao gồm các công trình cấp nước sạch cho cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh và triển khai một số nội dung thực hiện quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (có Văn bản số 15890/UBND-KTTC ngày 25/10/2022 gửi kèm).

- Ngày 24/4/2023, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; trong đó, giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang được giao quản lý tài sản, tiếp tục rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, nước sạch nông thôn tập trung (không bao gồm công trình nước sạch cho cả khu vực đô thị và khu vực đô thị và khu vực nông thôn) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định. Khẩn trương thực hiện rà soát, phân loại, kiểm tra hiện trạng, lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có (Có Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 24/4/2023 gửi kèm).

*b) Về kết quả thực hiện:*

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đã được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch tập trung nông thôn, trong đó: Giao cho đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch (*Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT*) là: 06 công trình; Giao cho UBND cấp xã là: 03 công trình (đều là các công trình có quy mô nhỏ, phạm vi cấp nước trong 01 xã).

Trong số 09 công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn đã giao cho đối tượng quản lý, khai thác, có 08 công trình đã được giao trước 2022, việc bàn giao thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Thông tư 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013. Đến nay, các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn này đều đảm bảo cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân trong vùng cấp nước được giao. Còn lại 01 công trình được đầu tư bằng nguồn vốn do Tổ chức tầm nhìn thế giới tài trợ (Hệ thống cấp nước sạch xã Điền Quang, huyện Bá Thước) được UBND tỉnh Thanh Hóa xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 và giao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch cho UBND xã Điền Quang, huyện Bá Thước quản lý, vận hành và khai thác tại Quyết định số 4578/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, hiện UBND xã Điền Quang đã tiếp nhận toàn bộ hồ sơ có liên quan về tài sản kết cấu hạ tầng của công trình nước sạch, UBND xã đang xây dựng giá nước để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cập nhật khu vực nhà máy nước vào quy hoạch sử dụng đất (*Có Quyết định kèm theo*).

- Đối với việc cập nhật trên phần mềm cấp nước sạch nông thôn tập trung: Hiện nay, Bộ Tài chính chưa xây dựng Cơ sở dữ liệu và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; vì vậy, UBND tỉnh Thanh Hóa đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính thực hiện cập nhật tạm thời trên Phần mềm quản lý tài sản là công trình nước sạch nông thôn tập trung (<https://ctns.mof.gov.vn>) theo đúng quy định (*có gửi kèm theo các biểu tổng hợp báo cáo*).

## 2. Khó khăn, vướng mắc:

- Hiện nay, Bộ Tài chính chưa xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và cấp nước sạch đô thị được đầu tư bằng nguồn ngân sách hoặc do nhà nước quản lý); việc nhập, duyệt, quản lý dữ liệu đang tạm thời thực hiện trên phần mềm quản lý tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính nhập dữ liệu (chưa có phần dữ liệu công trình cấp nước sạch đô thị do Sở Xây dựng quản lý).

- Nhận thức và đời sống của người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của

việc sử dụng nước sạch nông thôn còn hạn chế, khó khăn nên chưa thu hút được đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư từ nguồn xã hội hóa; trong khi các công trình được đầu tư từ nguồn ngân sách hoặc do nhà nước quản lý không đảm bảo kinh phí để duy tu, bảo dưỡng công trình.

### 3. Đề xuất kiến nghị:

Để việc thực hiện quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công trình nước sạch nông thôn có hiệu quả, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Đề nghị Bộ Tài chính sớm xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tập trung (bao gồm công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và cấp nước sạch đô thị).

- Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về đánh giá quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn tập trung.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa kính báo cáo./.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục 1: BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**  
(Mẫu số 01A)

(Kèm theo Công văn số /UBND-NN ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tài sản	Địa chỉ	Loại hình công trình	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Công suất thiết kế (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Số hộ sử dụng nước (hộ)		Giá trị (triệu đồng)			Chế độ hao mòn/ khấu hao	Tình trạng tài sản		Ghi chú
					Đất	Sàn sử dụng		Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Hao mòn/ Khấu hao (lũy kế)	GTCL		Hoạt động	Không hoạt động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
<b>I.</b>	<b>Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT</b>															
1	Công trình cấp nước sạch 08 xã huyện Hoằng Hóa	Xã Hoằng Tiễn, huyện Hoằng Hóa	Cấp nước tập trung	2018	66.566,8	8.253,4	6.000	11.854	6.339	216.769,205	43.353,84	173.415,364	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	
2	Công trình cấp nước sạch 07 xã huyện Hậu Lộc	Xã Minh Lộc và Xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc	Cấp nước tập trung	2015	23.405,3	2.905,1	7.500	13.178	12.144	219.207,653	50.689,756	168.524,200	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	
3	Công trình cấp nước xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc	Xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc	Cấp nước tập trung	2014	2.104	480,4	1.200	2.073	1.420	33.207,653	13.728,54	19.479,114	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	
4	Công trình cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Công	Xã Vạn Thắng, huyện Nông Công	Cấp nước tập trung	2006	1.547	1.155	320	648	253	2.740,328	2.740,328	0	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	
5	Công trình cấp nước xã Định Long – Định Liên	Xã Định Long-Định Liên, huyện Yên Định	Cấp nước tập trung	2016	3.727,5	499,5	1.600	1.991	1.165	29.644,807	8.893,44	20.751,364	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	
6	Công trình cấp nước xã Nguyệt Ấn huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc	Cấp nước tập trung	2022	16.100	434,1	700	400	294	20.130,323	2.013,03	18.117,290	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	
<b>II.</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>															
1	Công trình cấp nước SH xã Ngư Lộc	Thôn Mỹ thịnh xã Hưng lộc Hậu lộc	Cấp nước tập trung	2006			650	2500	1700				Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	

STT	Tài sản	Địa chỉ	Loại hình công trình	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Công suất thiết kế (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Số hộ sử dụng nước (hộ)		Giá trị (triệu đồng)			Chế độ hao mòn/ khấu hao	Tình trạng tài sản		Ghi chú
					Đất	Sàn sử dụng		Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Hao mòn/ Khấu hao (lũy kế)	GTCL		Hoạt động	Không hoạt động	
<b>III.</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>															
1	Trạm xử lý nước sạch xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Thôn Tây Vinh, xã Hà Vinh	Cấp nước tập trung	2016	1000	600	400	1800	1452	5.630	2627,333	3.002,667	Theo chế độ kế toán HCSN	x	-	

**Phụ lục 2: BÁO CÁO KÊ KHAI VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**  
(Mẫu số 01D)

*(Kèm theo Công văn số /UBND-NN ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Giá nước sạch bình quân của năm trước liền kề (đồng/m <sup>3</sup> )		Dự án ĐT nâng cấp mở rộng TS được phê duyệt		Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức nhận khai thác	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ (chưa bao gồm thuế, phí)	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>I.</b>	<b>Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT</b>										
1	Công trình cấp nước sạch 08 xã huyện Hoằng Hóa	Tự khai thác	-	-	-	-	16.756	10.093	-	-	
2	Công trình cấp nước sạch 07 xã huyện Hậu Lộc	Tự khai thác	-	-	-	-	8.943	10.093	-	-	
3	Công trình cấp nước xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc	Tự khai thác	-	-	-	-	6.743	10.093	-	-	
4	Công trình cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Công	Tự khai thác	-	-	-	-	11.348	10.093	-	-	
5	Công trình cấp nước xã Định Long – Định Liên	Tự khai thác	-	-	-	-	9.485	10.093	-	-	
6	Công trình cấp nước xã Nguyệt Ân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Tự khai thác	-	-	-	-	10.093	10.093	-	-	
<b>II.</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>										
1	Công trình cấp nước SH xã Ngư Lộc	Tự khai thác	-	-	-	-	8.000	8.000			
<b>III.</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>										
1	Trạm xử lý nước sạch xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Tự khai thác	-	-	-	-	6.000	6.000	2658/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	5.630.000.000	

**Phụ lục 3: BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**  
(Mẫu số 02A)

*(Kèm theo Công văn số /UBND-NN ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Danh mục tài sản	Công suất (m3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (đồng)		Giá nước sạch bình quân trong năm (đồng/m <sup>3</sup> )		Quản lý số tiền thu được (triệu đồng)				Ghi chú
		Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ (chưa bao gồm thuế, phí)	Tổng số tiền đã thu (năm 2022)	Số tiền đã nộp NSNN (nếu có)	Số tiền đã được NSNN cấp bù (nếu có)	Chi phí bảo trì lũy kế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>I.</b>	<b>Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT</b>													
1	Công trình cấp nước sạch 08 xã huyện Hoằng Hóa	6.000	3.374	11.854	6.339	216.769,205	173.415,364	16.756	10.093	8.519,881	-	-	-	
2	Công trình cấp nước sạch 07 xã huyện Hậu Lộc	7.500	5.511	13.178	12.144	219.207,653	168.524,200	8.943	10.093	12.425,496	-	-	-	
3	Công trình cấp nước xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc	1.200	525	2.073	1.420	33.207,653	19.479,114	6.743	10.093	1.228,349	-	-	-	
4	Công trình cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Công	320	150	648	253	2.740,328	0	11.348	10.093	236,700	-	-	-	
5	Công trình cấp nước xã Định Long – Định Liên	1.600	784	1.991	1.165	29.644,807	20.751,364	9.485	10.093	2.008,199	-	-	-	
6	Công trình cấp nước xã Nguyệt Ân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	700	143	400	294	20.130,323	18.117,290	10.093	10.093	170,262	-	-	-	
<b>II.</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>													
1	Công trình cấp nước SH xã Ngự Lộc	650	500	2.500	1.700			8.000	8.000					
<b>III.</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>													
1	Trạm xử lý nước sạch xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	400	400	1.800	1.452	5.630.000		6.000	6.000	882.912.000	93.912.000	0	789.396.000	



**Phụ lục 4: BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU  
HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH (Kỳ báo cáo năm 2022)  
(Mẫu số 03A)**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-NN ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Đối tượng được giao quản lý, sử dụng/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m2)		Công suất (m3/ngày đêm)		Số hộ sử dụng nước		Giá trị tài sản (triệu đồng)		Tình trạng tài sản		Phương thức khai thác				Ghi chú
			Đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	GTCL	Hoạt động	Không hoạt động	Tự khai thác	Cho thuê quyền khai thác	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác	Bán đấu giá/Giao có hoàn trả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(14)	(15)	(16)
<b>I.</b>	<b>Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT</b>																
1	Công trình cấp nước sạch 08 xã huyện Hoằng Hóa	2018	66.566,8	8.253,4	6.000	3.374	11.854	6.339	216.769,205	173.415,364	x	-	x	-	-	-	
2	Công trình cấp nước sạch 07 xã huyện Hậu Lộc	2015	23.405,3	2.905,1	7.500	5.511	13.178	12.144	219.207,653	168.524,200	x	-	x	-	-	-	
3	Công trình cấp nước xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc	2014	2.104	480,4	1.200	525	2.073	1.420	33.207,653	19.479,114	x	-	x	-	-	-	
4	Công trình cấp nước xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống	2006	1.547	1.155	320	150	648	253	2.740,328	0	x	-	x	-	-	-	
5	Công trình cấp nước xã Định Long – Định Liên	2016	3.727,5	499,5	1.600	784	1.991	1.165	29.644,807	20.751,364	x	-	x	-	-	-	
6	Công trình cấp nước xã Nguyệt Ân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	2022	16.100	434,1	700	143	400	294	20.130,323	18.117,290	x	-	x	-	-	-	
<b>II.</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>																
1	Công trình cấp nước SH xã Ngư Lộc	2016	1000	600	400	400	1800	1452	5.630		x	-	x	-	-	-	
<b>III.</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>																
1	Trạm xử lý nước sạch xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	2006			650	500	2.500				x	-	x	-	-	-	



STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Giá nước sạch bình quân của năm trước liền kề (đồng/m <sup>3</sup> )		Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý số tiền thu được (triệu đồng)				Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (tháng)	Tổ chức nhận khai thác	Giá thành sản xuất	Giá tiêu thụ	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (triệu đồng)	Tổng số tiền đã thu (năm 2022)	Số tiền đã nộp NSNN (nếu có)	Số tiền đã được NSNN cấp bù (nếu có)	Chi phí bảo trì lũy kế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Công trình cấp nước SH xã Ngự Lộc	Tự khai thác	-	-	-	-	8.000	8.000				-	-	-	
<b>III.</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>														
1	Trạm xử lý nước sạch xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Tự khai thác	-	-	-	-	6.000	6.000	2658/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Chủ tịch tỉnh Thanh Hóa	5.630	882.912	-	-	789.396	

